

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/KDTM-PT

Ngày: 08/8/2024

V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Phùng Thị Như Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 08/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 139/2024/TLPT-KDTM ngày 12/6/2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3575/2023/KDTM-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3391/2024/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10625/2024/QĐ-HPT ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Bê tông CKB; địa chỉ: Thôn Tử Nê, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông M, sinh năm 1974; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông TS; địa chỉ: Số 51 Lã Xuân Oai, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 1979; địa chỉ: 51 đường L, phường L1, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2023).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông TS
kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 3575/2023/KDTM-ST ngày 08/9/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Công ty Cổ phần Bê tông CKB do ông Mai Công M làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/03/2021, Công ty Cổ phần Bê tông CKB (sau đây gọi là Công ty CKB) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông TS (Công ty TS do ông Nguyễn Tất H – Phó tổng giám đốc đại diện theo ủy quyền) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 1-2021/HĐKT-KB-TS để mua bán bê tông thương phẩm phục vụ cho công trình sân vận động Từ Sơn. Theo hợp đồng thì Công ty CKB đã bán cho Công ty TS tổng số khối lượng bê tông thương phẩm là 1558,2m³ trị giá 1.607.954.443 đồng. Hai bên đã chốt công nợ và khối lượng thanh toán bằng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2021. Công ty CKB đã xuất hóa đơn đầy đủ cho Công ty TS.

Quá trình thanh toán, Công ty TS đã trả được số tiền là 330.000.000 đồng; còn nợ số tiền: 1.277.954.443 đồng. Hiện Công trình Sân vận động Từ Sơn đã hoàn thành đưa vào sử dụng hơn một năm nhưng đến nay Công ty TS vẫn chưa thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty CKB.

Nay Công ty CKB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TS phải trả tổng số tiền: 1.473.907.457 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng*) trong đó: Nợ gốc là 1.277.954.443 đồng; nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất 8%/năm trên tổng số nợ gốc tạm tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/8/2023 là 195.953.014 đồng. Công ty TS còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không còn có yêu cầu nào khác.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty TS vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn theo Thông báo thụ lý vụ án đã được tổng đạt.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Bê tông CKB.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông TS có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần bê tông CKB tổng số tiền: 1.473.907.457 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm linh bảy nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc: 1.277.954.443 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 31/8/2023 là 195.953.014 đồng, ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/10/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 12/10/2023 của bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông TS kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty TS giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do sau: Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty TS; ông Nguyễn Tất H – Phó tổng giám đốc Công ty TS không được ủy quyền để ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty CKB; Công ty CKB đã đồng ý chuyển giao nghĩa vụ nợ cho bên thế nghĩa vụ là ông Nguyễn Tiến H và hợp đồng kinh tế trên là giả tạo theo khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự; Công ty CKB đã bán khoản nợ cho Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh do đó Công ty CKB không có quyền khởi kiện Công ty TS. Ngoài ra, trong hợp đồng kinh tế đã ký kết không có thỏa thuận về tiền lãi chậm trả nên Công ty TS không có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi này cho Công ty CKB.

Công ty Cổ phần Bê tông CKB không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty TS nhưng xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả, cụ thể là yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 10/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm; ngoài yêu cầu thay đổi trên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên các phần còn lại của bản án sơ thẩm.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ mới là Hợp đồng mua bán nợ số 13.12/2021/HTHN-KB-TS ngày 13/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Mua bán nợ Hưng Thịnh Hà Nội (Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh) và Công ty Cổ phần Bê tông CKB; Thông báo số 13.12/2021/TBHT-TS ngày 13/12/2021 của Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh với nội dung yêu cầu Công ty TS trả số tiền 1.125.589.495 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ thực tế ngày 10/11/2021 do Công ty CKB cung cấp. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm về khoản nợ gốc theo Biên bản đối chiếu công nợ thực tế ngày 10/11/2021 là 1.125.589.495 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 3575/2023/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 08/9/2023. Bị đơn - Công ty TS vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ

ngày Công ty TS nhận được bản án (ngày 11/10/2023). Ngày 18/10/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về thời hạn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TS yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; triệu tập thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.1] Công ty TS cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng nên Công ty TS không biết thông tin Công ty CKB khởi kiện.

Theo kết quả xác minh và kiểm tra hiện trạng do Ủy ban nhân dân phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tại Văn bản số 196/UBND ngày 23/3/2023 thì Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông TS có hoạt động tại địa chỉ 51 đường Lã Xuân O, phường L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TS khẳng định địa chỉ công ty không thay đổi và người đại diện theo pháp luật của Công ty TS đã nhận được bản án sơ thẩm tại bộ phận văn thư của công ty nhưng không nhận được các văn bản tố tụng khác.

Căn cứ vào các biên bản tổng đạt và Biên bản niêm yết do thư ký Tòa án thực hiện thể hiện Tòa án đã thực hiện đồng thời thủ tục niêm yết và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho Công ty TS tại địa chỉ trên (do bà Phạm Thị Sơn là nhân viên của Công ty TS ký nhận và cam kết giao lại cho ông Nguyễn Thịnh Sơn – người đại diện theo pháp luật của công ty) gồm: Thông báo thụ lý vụ án vào ngày 03/4/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/4/2023, 23/6/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 21/8/2023 và Bản án sơ thẩm số 3575/2023/KDTM-ST vào ngày 11/10/2023. Việc niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc Công ty TS cho rằng chỉ nhận được bản án sơ thẩm mà không nhận được các văn bản tố tụng khác là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Công ty TS các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án ngày 28/11/2022, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19/5/2023 và 11/7/2023 ghi rõ nội dung: Công ty CKB yêu cầu Công ty TS thanh toán số tiền nợ 1.277.954.443 đồng và tiền lãi chậm trả. Công ty TS không có ý kiến phản hồi và không phản đối đối với nội dung khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Công ty CKB cung cấp, do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét về hiệu lực hợp đồng : “Hợp đồng kinh tế” số 01-2021/HĐKT-KB-TS ký kết ngày 01/3/2021 về việc mua bán bê tông thương phẩm giữa Công ty TS (bên mua : do ông Nguyễn Tất Hùng – Phó tổng giám đốc đại diện) và Công ty CKB (bên bán: do ông Hoàng Văn M – Giám đốc đại diện). Căn cứ Giấy ủy quyền số 03/2021/TS-GUQ ngày 19/01/2021 do ông Nguyễn Thịnh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TS ký với nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Tất H thực hiện các công việc bao gồm ký kết với các nhà thầu phụ về cung cấp vật tư và các hợp đồng khác phục vụ việc thực hiện thi công dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thể thao Văn hóa thị xã Từ Sơn. Về hình thức, hợp đồng đã được lập thành văn bản và ông Nguyễn Tất Hùng đại diện cho Công ty TS ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty CKB là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ.

[2.4] Căn cứ vào “Biên bản đối chiếu – nghiệm thu khối lượng”, “Biên bản nghiệm thu giá trị thanh toán” và “Biên bản đối chiếu công nợ” đã được ông Hùng đại diện Công ty TS ký xác nhận vào các ngày 31/3/2021, 28/6/2021 và 30/9/2021; có cơ sở để xác định Công ty TS đã mua bê tông thương phẩm của Công ty CKB để phục vụ cho Công trình Sân vận động Từ Sơn (Bắc Ninh) và đã nhận đủ khối lượng hàng hóa. Công ty CKB đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TS vào các ngày 31/3/2021 là 385.434.443 đồng; ngày 28/6/2021 là 916.520.000 đồng; ngày 30/9/2021 là 306.000.000 đồng với tổng số tiền là 1.607.954.443 đồng. Ngày 10/5/2021, Công ty TS đã thanh toán cho Công ty CKB số tiền 130.000.000 đồng, ngày 27/10/2021 tiếp tục thanh toán 200.000.000 đồng, tổng cộng là 330.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 1.277.954.443 đồng. Công ty TS không thanh toán cho Công ty CKB số tiền nợ còn lại là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại.

Tại phiên tòa, Công ty TS phủ nhận hiệu lực của hợp đồng kinh tế 1-2021/HĐ KB-TS ngày 01/3/2021 nhưng lại trình bày không đồng ý trả tiền lãi do hai bên không thỏa thuận tiền lãi chậm trả trong hợp đồng là có sự mâu thuẫn trong chính lời khai của bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty CKB về việc buộc Công ty TS có nghĩa vụ trả số tiền hàng còn nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật thương mại.

[2.4] Xét về tiền lãi chậm trả:

Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế quy định: “...+ Bên A (bên mua) thanh toán khối lượng cho bên B (bên bán) trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B xuất hóa đơn giá trị VAT...”

-...Các khoản thanh toán chậm sẽ phải chịu lãi cho tổng số tiền trả chậm bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội cho tổng số nợ gốc đến hạn thanh toán...”

Công ty CKB xuất hóa đơn giá trị gia tăng cuối cùng vào ngày 30/9/2021. Do hai bên có thỏa thuận bên mua thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên Công ty CKB được tính lãi chậm trả từ ngày 10/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/9/2023 là 23 tháng.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ vay trong hạn do các ngân hàng cung cấp theo như sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam lãi suất tiền vay là 10,4%; Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam lãi suất tiền vay 11,5% và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, lãi suất tiền vay là 10%. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng nêu trên là 15,95%/năm. Các bên thỏa thuận trả tiền lãi quá hạn tính theo mức lãi suất 8%/năm là ít hơn so với mức lãi quá hạn được quy định. Xét, sự thỏa thuận này không trái pháp luật và có lợi cho Công ty TS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: $1.277.954.443 \text{ đồng} \times 8\%/\text{năm} \times 23 \text{ tháng} = 195.953.015 \text{ đồng}$.

Tại bản án sơ thẩm đã chấp nhận về yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty CKB tính từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty CKB đã thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án tính lãi chậm trả từ ngày 10/10/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét, yêu cầu thay đổi ngày tính tiền lãi chậm trả của Công ty CKB là phù hợp với hợp đồng kinh tế đã ký kết và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Công ty TS cho rằng, ông Nguyễn Tất Hùng (chức vụ: Phó tổng giám đốc) không được Công ty TS ủy quyền để ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty CKB nên hợp đồng này chỉ là hợp đồng giả cách hợp thức hóa cho khối lượng công việc của ông Nguyễn Tiến Hiệp thực hiện cho Công trình Sân vận động Từ Sơn tại Bắc Ninh nên Công ty TS không có nghĩa vụ trả khoản tiền hàng theo hợp đồng đã ký kết.

Như đã phân tích tại mục [2.3] thì ông Nguyễn Tất Hùng đã được ủy quyền để ký kết hợp đồng kinh tế do đó phần trình bày này của Công ty TS là không có cơ sở.

[2.6] Đối với việc chuyển giao nghĩa vụ nợ của Công ty TS cho ông Nguyễn Tiến Hiệp:

Công ty TS cho rằng ông Hiệp đã trực tiếp thanh toán cho Công ty CKB một khoản tiền nợ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và Công ty CKB không đồng ý với ý kiến này. Xét “Văn bản thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ” số 001/12/2021/VBTT do Công ty TS cung cấp về việc thống nhất chuyển nghĩa vụ thanh toán giữa Công ty TS, ông Hiệp và Công ty Kinh Bắc thì nội dung văn bản này các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ của

khoản nợ theo Hợp đồng kinh tế số 26.02-2021/HĐNT/KINH BAC-THAISON ký kết ngày 26/02/2021 giữa Công ty TS và Công ty Kinh Bắc. Như vậy, thỏa thuận này không liên quan đến Công ty CKB và hợp đồng kinh tế số 01-2021/HĐKT-KB-TS ngày 01/3/2021, do đó việc Công ty TS yêu cầu Tòa án triệu tập ông Hiệp tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông Hiệp có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TS là không có căn cứ.

[2.7] Đối với “Hợp đồng mua, bán nợ” số 13.12/2021/HTHN-KB-TS ký kết ngày 13/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Mua bán nợ Hưng Thịnh Hà Nội (Bên mua nợ) và Công ty Cổ phần Bê tông CKB (Bên bán nợ) có nội dung Công ty CKB bán khoản nợ mà Công ty TS còn nợ của Công ty CKB (theo Hợp đồng kinh tế số 1-2021/HĐKT-KB-TS ngày 01/3/2021) cho Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh. Như vậy, từ thời điểm ký kết hợp đồng mua bán nợ thì Công ty CKB không còn quyền thu hồi đối với khoản nợ này. Tuy nhiên, Công ty CKB và Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh đã lập Biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày 27/5/2022 (trước thời điểm Công ty CKB khởi kiện) đối với “Hợp đồng mua, bán nợ” số 13.12/2021/HTHN-KB-TS ngày 13/12/2021, từ thời điểm các bên xác lập thanh lý hợp đồng thì hợp đồng mua bán nợ ký kết giữa hai bên không còn giá trị pháp lý, Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh không còn quyền lợi liên quan đến khoản nợ của Công ty TS đối với Công ty CKB. Do đó, Công ty CKB được quyền khởi kiện Công ty TS về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Công ty TS yêu cầu triệu tập Công ty Mua bán nợ Hưng Thịnh tham gia tố tụng là không cần thiết.

[3] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TS về việc hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Tuy nhiên, do nguyên đơn Công ty CKB thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TS, sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến ngày bắt đầu tính tiền lãi chậm trả, các nội dung còn lại của phần quyết định được giữ nguyên.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung đối với tiền nợ gốc là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận phần này; các nội dung khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bị đơn không phải chịu do sửa một phần bản án sơ thẩm. Trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 92, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TS về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 3575/2023/KDTM-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Bê tông CKB.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng Công trình giao thông TS có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Bê tông CKB tổng số tiền: 1.473.907.458 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm linh bảy nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc: 1.277.954.443 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 08/9/2023 là 195.953.015 đồng, ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần xây dựng Công trình giao thông TS còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 8%/năm.

1.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần xây dựng Công trình giao thông TS phải chịu là 56.217.224 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Công ty Cổ phần Bê tông CKB được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.575.066 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai số AA/2022/0007024 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

1.3 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần xây dựng Công trình giao thông TS không phải chịu.

Công ty Cổ phần xây dựng Công trình giao thông TS được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025720 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh

